

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	73	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	55	1.3
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	15	0.4
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	0.1
7	Bình quân lớp/phòng học	0.9	-
8	Bình quân học sinh/lớp	38.4	-
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	6500	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1300	
VI	Tổng diện tích các phòng	4566	
1	Diện tích phòng học (m ²)	56 ² x 55 = 3080m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	996m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	168m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	-	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	P. Đoàn-Đội: 28 m ² P. Truyền thống: 108 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	66	8
1.2	Khối lớp 11	66	8
1.3	Khối lớp 12	88	11
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		



VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	315	7.6 hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...		
6			
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Máy chiếu + Bảng thông minh	22	
6	Tivi tích hợp máy tính	24	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
--	----------	----------------------------

X	Nhà bếp	
---	---------	--

XI	Nhà ăn	100 m ² .
----	--------	----------------------

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
--	----------	--	--------	-------------------------

XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
-----	---------------------------------	--	--	--

XIII	Khu nội trú			
------	-------------	--	--	--

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		5/5		
---	--------------------	---	--	-----	--	--

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
---	-------------------------	--	--	--	--	--

trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Thành phố Hòa Bình, ngày 02 tháng 10 năm 2023



HÀ HỮU THẠCH

Hà Hữu Thạch